

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 13-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Sự và bà Lê Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Lục Thanh Hương là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Vĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với:

- **Bị cáo:** Bùi Thị D, sinh ngày 14/10/1986, tại M, Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P và bà Phạm Thị V; có chồng là Phạm Văn K và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- **Bị hại:** bà Phạm Thị T, sinh năm 1938; nơi cư trú: khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (đã chết).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:** ông Bùi Xuân H, sinh năm 1965; nơi cư trú: khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** anh Phạm Văn K, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- **Người làm chứng:** anh Trần Văn N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 18 giờ ngày 04/02/2023, Bùi Thị D (có giấy phép

lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 14K1-280.83 đi trên Quốc lộ A, hướng từ Trung tâm thành phố M đến huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến đoạn đường Km 279+850 có biển báo hạn chế tốc độ 50km/h và biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên, thuộc khu B, phường H, thành phố M, D điều khiển xe đã không chú ý quan sát, không giảm tốc độ theo quy định, nên đã đâm vào bà Phạm Thị T, sinh năm 1938, trú tại: khu B, phường H, thành phố M đang đi bộ qua đường, hướng từ trái sang phải theo hướng đi của D. Hậu quả: bà Phạm Thị T bị thương được đưa đến Bệnh viện cấp cứu và điều trị, đến ngày 05/02/2023, bà T bị tử vong tại nhà riêng; Bùi Thị D bị thương tích nhẹ; xe mô tô bị hư hỏng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường (theo hướng từ Trung tâm thành phố M đến huyện H), trong điều kiện ban ngày, trời mưa nhỏ, ánh sáng tự nhiên, xác định (còn nguyên dấu vết trên hiện trường, phương tiện có liên quan đã rời khỏi hiện trường; nạn nhân đã được đưa đi cấp cứu). Nơi xảy ra tai nạn là đường hai chiều, thẳng, mặt đường rải bê tông nhựa, phẳng, ướt, rộng 10,5m. Giữa đường có vạch sơn đứt quãng màu vàng phân chia hai chiều đường. Phần đường bên phải rộng 5,25m, phía trước nơi xảy ra tai nạn hướng M - H có biển báo hạn chế tốc độ 50km/h và biển báo W.207d “giao nhau với đường không ưu tiên”. Tại phần đường bên phải, trên lề đường bên phải, đối diện với cổng trào hướng vào Công ty M có 01 vết lõm in hằn xuống mặt đất và cày xới đất dài 2,8m, chỗ rộng nhất 0,4m, chỗ hẹp nhất 0,04m. Từ điểm đầu và điểm cuối của vết cách mép đường bên phải lần lượt là 0,2m và 0,7m; từ điểm đầu của vết cách cột điện số 04 trên lề đường bên phải là 7,75m.

Tại biên bản thực nghiệm điều tra, xác định: vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 14K1-280.83 do Bùi Thị D điều khiển với bà Phạm Thị T, vị trí bà T bị hất ngã nằm xuống mặt đường, vị trí D bắt đầu xử lý phanh xe (bóp phanh) và vị trí xe mô tô bị đổ xuống đường đều nằm trên phần đường bên phải (theo hướng Trung tâm thành phố M đến huyện H). Trong đó, phần phía trước bên trái tay lái xe mô tô 14K1-280.83 va chạm với phần người bên phải vùng phía sau cẳng chân phải của bà T; tại thời điểm va chạm, khoảng cách từ đầu trục bánh trước và đầu trục bánh sau bên phải xe mô tô 14K1-280.83 đến mép đường bên phải lần lượt là 2,3m và 2,6m. Vị trí bà T nằm dưới mặt đường cách vị trí va chạm là 3,6m, khoảng cách từ đỉnh đầu và gót chân bên phải đến mép đường bên phải lần lượt là 2,4m và 1,4m. Vị trí Bùi Thị D bóp phanh xe mô tô cách vị trí bà T bị hất văng xuống đường là 8,7m, khoảng cách từ đầu trục bánh trước và trục bánh sau bên phải xe mô tô cách mép đường bên phải lần lượt là 2,0m và 2,15m. Vị trí xe mô tô 14K1-280.83 nằm đổ trên lề đường bên phải, từ đầu trục lốp sau bên phải xe mô tô cách vị trí xe Duyên bóp phanh là 19,8m, cách cột điện số 04 trên lề đường bên phải là 7,2m.

Khám xe mô tô biển số 14K1-280.83, xác định: ốp gương chiếu hậu bên trái bị gãy vỡ; cánh yếm bên trái bị gãy vỡ kích thước (25x2)cm, tâm vùng vỡ cách mặt đất 65cm; ốp lưng đầu xe bên trái bị gãy vỡ kích thước (40x8)cm; tay ghi đông phía bên trái có gắn 01 gang tay chống gió; đầu cần trục lốp trước bên trái có bám dính bùn đất và cây cỏ; ốp gương chiếu hậu bên phải bị trầy xước nhựa; đầu tay

ghi đông và đầu tay phanh bên phải bị mài xước kim loại; ốp ống xả bên phải bị trầy xước, bám dính mặt màu trắng; đầu cần để chân phía sau bên phải bị mài xước kim loại; ốp bệ để chân phía trước bên phải bị gãy vỡ kích thước (14x3)cm, ốp mặt dưới ốp bệ để chân bị trầy xước nhựa kích thước (30x7)cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 30/23/TT ngày 06/02/2023, của Trung tâm Pháp y - Sờ Y, kết luận: nguyên nhân bà Phạm Thị T tử vong do chấn thương sọ não kín, vỡ xương chẩm, tụ máu dưới màng cứng, chảy máu khoang dưới nhện, phù não, chèn ép não, chết não.

Nguyên nhân dẫn đến tai nạn là do Bùi Thị D điều khiển xe mô tô 14K1-280.83 tham gia giao thông khi trời mưa, đến nơi có biển báo nguy hiểm và biển hạn chế tốc độ, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ theo quy định, dẫn đến xe mô tô do D điều khiển đã đâm vào bà Phạm Thị T đi bộ qua đường, đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, 6, 11 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 29/8/2019, của Bộ G.

Quá trình điều tra, Bùi Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Ngoài ra, D còn khai, ngay trước khi xảy ra tai nạn, D điều khiển xe mô tô đi với tốc độ khoảng 50-55km/h.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKSMC ngày 08/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái đã truy tố bị cáo Bùi Thị D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Bùi Thị D từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời gian thử thách là 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 14K1-280.83, quá trình điều tra xác định là tài sản chung của vợ chồng D, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên và giấy tờ liên quan cho Bùi Thị D. Đối với 01 giấy phép lái xe số 221191004796, Hạng A1 mang tên Bùi Thị D đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất nhập cảnh” đối với bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến: sự việc xảy ra không mong muốn, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo D đã kịp thời

khắc phục hậu quả, bồi thường thỏa đáng. Nay, gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến: gia đình đã nhận lại chiếc xe mô tô, không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị D đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái đã truy tố là đúng. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố đối với bị cáo: tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị D khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm tử thi, bản giám định pháp y, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: khoảng 18 giờ ngày 04/02/2023, tại Km 279 + 850 Quốc lộ A đoạn thuộc khu B, phường H, thành phố M, Bùi Thị D (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 14K1-280.83, trong điều kiện trời mưa, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ theo quy định đã đâm vào bà Phạm Thị T đang đi bộ qua đường, gây tai nạn. Hậu quả: bà Phạm Thị T bị tử vong. Do đó, hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: bị cáo điều khiển xe mô tô trong điều kiện trời mưa, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ theo quy định đã gây tai nạn làm chết người, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện tham gia giao thông đường bộ, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác, gây tâm lý lo ngại cho người tham gia giao thông. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xảy ra tai nạn đã kịp thời đưa người bị nạn đi cấp cứu; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về xác định lỗi: theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ thì: Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường... Điều 5 Thông tư 31 ngày 29/8/2019 của Bộ G quy định: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

...

6. Khi có người đi bộ...qua đường;

...

11. Trời mưa...

Bị cáo điều khiển xe mô tô trong điều kiện trời mưa, đến nơi có biển báo nguy hiểm và biển hạn chế tốc độ, không giảm tốc độ, không chú ý quan sát đã đâm vào bà T khi sang đường, hậu quả làm bà T tử vong sau khi đưa đi cấp cứu. Tuy nhiên, xét thấy trong vụ tai nạn giao thông này, bị hại cũng có một phần lỗi khi đi bộ qua đường nơi không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường mà không quan sát, qua đường khi chưa đảm bảo an toàn. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định để dẫn đến xảy ra tai nạn là lỗi hỗn hợp, trong đó lỗi chính là do bị cáo.

[8] Về hình phạt chính: từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét thấy hành vi phạm tội do lỗi vô ý, bị cáo không hành nghề lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xử vắng mặt và đã có các lời khai trong hồ sơ thể hiện gia đình bị hại đã được bị cáo bồi thường đầy đủ và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 14K1-280.83 được xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, là phương tiện duy nhất của hai vợ chồng, Cơ quan Điều tra Công an thành phố M đã trả lại cho chủ sở hữu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với thiệt hại của chiếc xe, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trả lại cho bị cáo một giấy phép lái xe số/No: 221191004796, hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh Y cấp ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị D.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo Bùi Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Bùi Thị D 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị D cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16/2023/HSST-LCĐKCT ngày 17/5/2023 và Quyết định tạm hoãn xuất nhập cảnh số 21/2023/QĐ-TA ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Bùi Thị D.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo một giấy phép lái xe số/No: 221191004796, hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh Y cấp ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị D.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: buộc bị cáo Bùi Thị D phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp Quảng Ninh;
- CQĐT Công an cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Cơ quan THAHS Công an cùng cấp;
- Bộ phận HSNV Công an cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa